

Số: 773/2020/QĐST-HNGĐ

*Thuận An, ngày 30 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ  
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1067/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trịnh Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: B1 khu phố b2, phường b3, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1985; địa chỉ: B1 khu phố b2, phường b3, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Trịnh Thanh T và bà Đoàn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường b, quận b1, Thành phố b2 theo Giấy đăng ký kết hôn số 72 ngày 20/6/2018. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Trịnh Thanh T và bà Đoàn Thị T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Ông Trịnh Thanh T và bà Đoàn Thị T1 thống nhất xác định: Trong quá trình chung sống, ông Trịnh Thanh T và bà Đoàn Thị T1 01 người con chung tên Trịnh Gia H, sinh ngày 26/11/2019. Sau khi ly hôn, bà Đoàn Thị T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Trịnh Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Ông Trịnh Thanh T và bà Đoàn Thị T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Trịnh Thanh T và bà Đoàn Thị T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận

đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Thanh T và bà Đoàn Thị T1.

- Về con chung: Bà Đoàn Thị T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trịnh Gia H, sinh ngày 26/11/2019.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trịnh Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trịnh Thanh T và bà Đoàn Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trịnh Thanh T và bà Đoàn Thị T1 chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0047304 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND phường b, quận b1, Thành phố b2 (theo Giấy đăng ký kết hôn số 72 ngày 20/6/2018);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

#### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Tố Uyên**

